TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2018/QĐST-DS	*Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy:

Nguyên đơn là ông Rmah K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông R'ô W, ông Nay Tơ L, ông Rmah N phải trả cho ông 8.341 m^2 đất thuộc thửa số 221, tờ bản đồ số 27 tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai và yêu cầu Tòa án buộc ông Ksor Y phải trả cho ông 3.400 m^2 đất thuộc thửa số 221, tờ bản đồ số 27 tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Ngày 19-10-2016, Tòa án nhân dân huyện I thụ lý vụ án.

Ngày 23-3-2017, bị đơn là ông R'ô W, ông Nay Tơ L, ông Rmah N và ông Ksor Y có đơn yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01220/QSDĐ/1460/2000/QĐ-UB (H) do Uỷ ban nhân dân huyện A (cũ) cấp ngày 27-11-2000 cho hộ ông Rmah K.

Ngày 28-9-2017, Tòa án nhân dân huyện I ra "Quyết định chuyển vụ việc dân sự cho Tòa án tỉnh Gia Lai giải quyết theo thẩm quyền" số 03/2017/QĐ-TA, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án.

Thấy rằng, tranh chấp nêu trong đơn khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp quyền sử dụng đất, nên thuộc trường hợp phải được hòa giải tại Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp thì mới đủ điều kiện khởi kiện.

Khoản 4 Điều 202 Luật đất đai quy định: *"Việc hòa giải phải được lập thành biên bản có chữ ký của các bên và có xác nhận hòa giải thành hoặc hòa giải không thành của Ủy ban nhân dân cấp xã"*.

Điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải và thành phần Hội đồng gồm *"Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh"*. Khoản 2 Điều 88 Nghị định này quy định: *"Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành*

biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận".

Mặc dù Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai đề ngày 23-3-2012 (*bút lục số 11*) và Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai đề ngày 21-4-2016 (*bút lục số 12*) do Uỷ ban nhân dân xã I, huyện I lập có ghi tên thành phần của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và ghi tên các bên tranh chấp, nhưng lại không có đầy đủ chữ ký của những người được ghi tên. Tại đơn khởi kiện, ông Rmah K cũng thừa nhận rằng Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai đề ngày 21-4-2016 "ghi thiếu hộ gia đình ông Ksor Y" *(bút lục số 22)*.

Mặt khác, nội dung tại hai biên bản hòa giải nêu trên không có các nội dung như: Tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, hiện trạng đất tranh chấp (kích thước, tứ cận và vị trí của các thửa đất tranh chấp đối với từng bị đơn), nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận.

Như vậy, do Uỷ ban nhân dân xã I, huyện I lập các Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai không đúng quy định tại các văn bản pháp luật đã viện dẫn trên, nên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng 11.741 m^2 đất do nguyên đơn nộp tại Tòa án nhân dân huyện I thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 202, Điều 203 Luật đất đai và điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết"*. Theo quy định này thì Tòa án chỉ xem xét hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ việc dân sự . Do Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu của bị đơn trong vụ án về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01220/QSDĐ/1460/2000/QĐ-UB (H) do Uỷ ban nhân dân huyện A (cũ) cấp ngày 27-11-2000 cho hộ ông Rmah K.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 31/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, giữa:

Nguyên đơn: Ông Rmah K; địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Rmah K: Ông Nguyễn Thành T; công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai.

Bị đơn:

- Ông R'ô W; địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Ông Nay Tơ L, ông Rmah N; cùng địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Ông Ksor Y; địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông R'ô W, ông Nay Tơ L, ông Rmah N và ông Ksor Y: Ông Vi Mạnh H; công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của Uỷ ban nhân dân huyện I: Ông Phạm Tiến Đ – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện I (theo văn bản ủy quyền số 170/QĐ-UBND ngày 19-4-2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện I).

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hoàn trả lại cho ông Rmah K 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006550 ngày 19-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả lại cho ông R'ô W 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006606 ngày 23-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả lại cho ông Nay Tơ L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006607 ngày 23-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả lại cho ông Rmah N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006605 ngày 23-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả lại cho ông Ksor Y 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006604 ngày 23-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân huyện I;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Tiến Dũng